TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 8 - 2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Biên.
2. Ông Trần Ngọc Châu.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung tham gia phiên tòa*:** Không

Ngày 24/8/2017 Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 60/2017/TLST - HNGĐ ngày 18/5/2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐST - HNGĐ ngày 03/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Hồng K. Sinh năm 1988.
Địa chỉ: Thôn NS, xã SH, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Anh Ngô Văn T. Sinh năm 1984.
Địa chỉ: Thôn A, xã HL, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Hồng K trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phan Thị Hồng K và anh Ngô Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Hùng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ vào ngày 23/01/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay bài bạc, chơi lô đề, dẫn đến kinh tế trong gia đình gặp nhiều khó khăn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do không chịu đựng được từ tháng 7/2015 vợ chồng chính thức ly thân, anh T về quê tại xã HL, huyện Hà Trung sinh sống, mang theo hai con chung và không cho chị đón các con về. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Ngô Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Ngô Huy H, sinh ngày 20/9/2007 và Ngô Thị Tuyết M sinh ngày 13/4/2011. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu mỗi tháng 700.000đ/tháng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Tại phiên hòa giải ngày 22/6/2017 chị K thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi

dưỡng cháu M, anh T nuôi dưỡng cháu H hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, tại biên bản thỏa thuận đề ngày 18/8/2017 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị K đề nghị giao hai con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần ai nên chị K không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Ngô Văn T trình bày: Anh và chị Phan Thị Hồng K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã SH, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ vào ngày 23/01/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh ở rể, cuộc sống khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm, do vậy từ tháng 7/2015 anh bỏ về nhà nội ở xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị K xin ly hôn anh thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn với chị K.

Về con chung anh T yêu cầu được nuôi hai con chung là Ngô Huy H, sinh ngày 20/9/2007 và Ngô Thị Tuyết M sinh ngày 13/4/2011, hiện hai cháu đang ở với anh T, thu nhập của anh T 7.000.000đ/tháng nên anh không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần ai nên anh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Chị K vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị K đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị K.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Thị Hồng K và anh Ngô Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, hai bên đã sống ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau. Chị K xin ly hôn anh T cũng đồng ý ly hôn với chị K, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị K được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Huy H, sinh ngày 20/9/2007 và Ngô Thị Tuyết M sinh ngày 13/4/2011, anh T yêu cầu được nuôi hai con chung, chị K cũng đồng ý giao 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng. Cháu H có nguyện vọng ở với anh T, hiện tại hai cháu đang ở cùng anh T, giao 02 cháu cho anh T chăm sóc sẽ tốt hơn cho sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của các cháu, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu M, cháu H và điều kiện kinh tế của hai bên, nên chấp nhận đề nghị của chị K giao cháu H, cháu M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và

Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T làm xây dựng thu nhập khoảng 7.000.000đ/tháng, ghi nhận ý kiến của anh T không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị K phải chịu án phí DSST về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 58; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Hồng K và anh Ngô Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Huy H, sinh ngày 20/9/2007 và cháu Ngô Thị Tuyết M sinh ngày 13/4/2011cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T.

Chị K có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Hồng K phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: AA/2015/0004671 ngày 12/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung, chị K đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Hà Trung*
- *Các đương sự;*
- *Thi hành án dân sự (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt